

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Gói thầu: May, trang bị quần áo đồng phục cho lao động gián tiếp năm 2025

Kính gửi : Quý Doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh đang có nhu cầu thực hiện gói thầu: May, trang bị quần áo đồng phục cho lao động gián tiếp năm 2025 như bảng dưới đây. Kính mời các Quý Công ty báo giá cho mặt hàng với các yêu cầu sau:

I. Thông tin yêu cầu báo giá

1. Thông tin hàng hóa

STT	Sản phẩm/Quy cách	Tiêu chuẩn kỹ thuật vải	ĐVT	Số lượng
1	Sơ mi nam dài tay		cái	181
	Màu sắc: Xanh da trời * Kiểu dáng : + Cổ đực , có xương cá cổ định. Nẹp rời ,có 6 cúc trên nẹp và 1 cúc chân cổ. + Thân trước bên trái khi mặc có 1 túi ngực + 1 túi bút nhỏ + Măng séc tròn , gấu áo đuôi tôm + Thêu logo ở ngực trái theo mẫu. * Quy cách may : - Cổ áo: sử dụng mex + Lá cổ, chân cổ/canh dọc + Cóc lá cổ/canh dọc + Đường chỉ điều: Điều lá cổ 0.5cm, điều chân cổ 0,1cm. lại mũi ngay đường bọc chân cổ - Khóa chặn miệng túi, sửa gọn góc mép túi - Điều dạng thẳng, từ mép nẹp vào đường điều thứ 2 là 0.5 cm	Thành phần vải : 48% polyester, 50%bamboo, 2% spandex (+/-3) - Kiểu dệt : Vân chéo 2/2 - Khối lượng : 163.2 (g/m ²) (+/-3) - Mật độ (sợi/10cm) : Dọc :704; Ngang : 408 (+/-5) - Chỉ số sợi tách từ vải : Dọc(Ne) : 47,7/1, Ngang (Ne) : 46,4/1. - Độ bền kéo đứt : Dọc(N) >838, Ngang (N) >563. - Độ bền xé rách : Dọc (N) >27, Ngang (N) > 18. - Độ vón rút của vải sau 7200 vòng (cấp) ≥ 4. - Thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô % : Dọc : - 0,3 , Ngang : 0,2. - Ngoại quan của vải sau giặt 40°C và làm khô (cấp) : SA : 4.0. - Độ bền màu giặt 40°C (cấp) ≥ 3-4. - Độ bền màu mồ hôi , axit (cấp) ≥ 3-4. - Độ bền màu mồ hôi , kiềm (cấp) ≥ 3-4. - Độ bền màu ma sát (cấp) ≥ 3-4. - Không có hàm lượng fomaldehyt.		

STT	Sản phẩm/Quy cách	Tiêu chuẩn kỹ thuật vải	ĐVT	Số lượng
	- Kích thước túi: rộng túi từ 12 - 12,5cm (tùy size); dài túi 14 - 14,5cm (tùy size) + Nhãn chính : Nằm giữa đô sau, may 2 cạnh không xuyên lớp chính (chỉ tiếp màu nhãn). +Nhãn size: Gấp đôi gắn dưới chân cổ. + Nhãn sử dụng: gắn ở sườn trái khi mặc, cách lai TP 10cm. - Vị trí nút dự trữ: Vị trí đóng nút dự trữ lớn+ nút dự trữ nhỏ tại vị trí mặt trong nẹp áo, nút dự trữ dính thẳng theo nút nẹp. * Quy cách may: - Mật độ chỉ điều : 6 mũi/1cm. - Không nối các đường chỉ điều, lại mũi kỹ các đường may. - Thừa khuy thường dài khuy tương ứng với nút, chỉ tiếp màu vải chính. - Dính nút dạng chéo, ứng tâm khuy, chỉ dính nút xem bảng màu. - Nẹp khuy lovê rời, to bản 3 cm, may máy kansai, điều hai cạnh 0.5cm. - Nẹp khuy thân trước trái (x6), chân cổ (x1). - Nẹp nút gấp 1cm+2.6cm. Điều to bản 2.5cm. - Nút 18L: Nẹp thân trước phải (x6), chân cổ (x1), măng séc (x4) dtrữ (x1). - Điều 0.1cm: vai con. - Đô sau 2 lớp, điều 0.1cm (1 lớp). - Lai tay gấp 1cm + 3.1cm, điều to bản lai 3cm, khóa cửa tay trùng với đường cuốn sườn. - Vòng nách may cuốn chỉ dưới móc xích, điều 0.9cm.			

STT	Sản phẩm/Quy cách	Tiêu chuẩn kỹ thuật vải	ĐVT	Số lượng
	- Sườn áo, sườn tay may cuốn 2 kim 0.5cm. - Áo có thể xếp ly hoặc không xếp ly. - Điều 0.4cm: lai áo. - Măng set tay áo (áo dài tay): bản 6cm, xếp 1 ly tay. ** Lưu ý: Ép keo: Nhiệt độ 170-175; thời gian 20s; áp lực 5.5-6kg.			
2	Sơ mi nam ngắn tay		cái	239
	Màu sắc: Xanh da trời * Kiểu dáng : + Cổ đực , có xương cá cổ định. Nẹp rời ,có 6 cúc trên nẹp và 1 cúc chân cổ. + Thân trước bên trái khi mặc có 1 túi ngực + 1 túi bút nhỏ + Áo gấu bằng , xẻ tà 2 bên. + Thêu logo ở ngực trái theo mẫu. * Quy cách may : - Cổ áo: sử dụng mex + Lá cổ, chân cổ/canh dọc + Cốc lá cổ/canh dọc + Đường chỉ điều: Điều lá cổ 0.5cm, điều chân cổ 0,1cm. lại mũi ngay đường bọc chân cổ - Khóa chặn miệng túi, sửa gọn góc mép túi. - Điều dạng thẳng, từ mép nẹp vào đường điều thứ 2 là 0.5 cm - Kích thước túi: rộng túi từ 12 - 12,5cm (tùy size); dài túi 14 - 14,5cm (tùy size) + Nhãn chính : Nằm giữa đô sau, may 2 cạnh không xuyên lớp chính (chỉ tiếp màu nhãn). +Nhãn size: Gấp đôi gắn dưới chân cổ. + Nhãn sử dụng: gắn ở sườn trái khi mặc, cách lai TP 10cm.	Thành phần vải : 48% polyester, 50%bamboo, 2% spandex (+/-3) - Kiểu dệt : Vân chéo 2/2 - Khối lượng : 163.2 (g/m²) (+/-3) - Mật độ (sợi/10cm) : Dọc :704; Ngang : 408 (+/-5) - Chỉ số sợi tách từ vải : Dọc(Ne) : 47,7/1, Ngang (Ne) : 46,4/1. - Độ bền kéo đứt : Dọc(N) >838, Ngang (N) >563. - Độ bền xé rách : Dọc (N) >27, Ngang (N) > 18. - Độ vốn rút của vải sau 7200 vòng (cấp) ≥ 4. - Thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô % : Dọc : - 0,3 , Ngang : 0,2. - Ngoại quan của vải sau giặt 40°C và làm khô (cấp) : SA : 4.0. - Độ bền màu giặt 40°C (cấp) ≥ 3-4. - Độ bền màu mồ hôi , axit (cấp) ≥ 3-4. - Độ bền màu mồ hôi , kiềm (cấp) ≥ 3-4. - Độ bền màu ma sát (cấp) ≥ 3-4. - Không có hàm lượng fomaldehyt		

STT	Sản phẩm/Quy cách	Tiêu chuẩn kỹ thuật vải	ĐVT	Số lượng
	- Vị trí nút dự trữ: Vị trí đóng nút dự trữ lớn+ nút dự trữ nhỏ tại vị trí mặt trong nẹp áo, nút dự trữ đính thẳng theo nút nẹp. * Quy cách may: - Mật độ chỉ điều : 6 mũi/1cm. - Không nổi các đường chỉ điều, lại mũi kỹ các đường may. - Thừa khuy thường dài khuy tương ứng với nút, chỉ tiếp màu vải chính. - Đính nút dạng chéo, ứng tâm khuy, chỉ đính nút xem bảng màu. - Nẹp khuy lovê rời, to bản 3 cm, may máy kansai, điều hai cạnh 0.5cm. - Nẹp khuy thân trước trái (x6), chân cổ (x1). - Nẹp nút gấp 1cm+2.6cm. Điều to bản 2.5cm. - Nút 18L: Nẹp thân trước phải (x6), chân cổ (x1), măng séc (x4) dtrữ (x1). - Điều 0.1cm: vai con. - Đô sau 2 lớp, điều 0.1cm (1 lớp). - Lai tay gấp 1cm + 3.1cm, điều to bản lai 3cm, khóa cửa tay trùng với đường cuốn sườn. - Vòng nách may cuốn chỉ dưới móc xích, điều 0.9cm. - Sườn áo, sườn tay may cuốn 2 kim 0.5cm. - Áo có thể xếp ly hoặc không xếp ly. - Điều 0.4cm: lai áo. ** Lưu ý: Ép keo: Nhiệt độ 170-175; thời gian 20s; áp lực 5.5-6kg.			
3	Quần âu nam		cái	212

STT	Sản phẩm/Quy cách	Tiêu chuẩn kỹ thuật vải	ĐVT	Số lượng
	Màu sắc : Xanh đen * Kiểu dáng : + Cạp rời có quai nhê. + Thân trước không ly hoặc có ly. Có 2 túi chéo . Thân sau có 2 túi hậu 2 viên , có 2 chiết ly và có 6 dây passant. + Cạp quần: Bản cạp 3,7cm, bảng lưng mí 1 ly lọt khe. Từ đầu cạp đến moi quần 5 cm, độ nhọn đầu cạp 1cm. + Móc: Đóng giữa to bản lưng, thẳng với răng cưa dây kéo. Phần trên móc tương ứng với phần dưới móc, phía dưới có đệm dưng. Nút ứng với khuy. + Dài túi: Theo rập + Điều miệng túi 0.5cm bằng máy may 1kim. * Dây passant: - To bản 1cm x dài 5cm. - Cạnh trên : may lộn. - Cạnh dưới : chui vào đường tra lưng, dùng máy 01 kim may chặn cách đường tra lưng 1.2cm (không dính lót lưng). - Bản lưng lót trong 5cm. *Lưu ý: - Xử lý độ co rút của vải trước khi đưa vào sản xuất. - Khóa: Dùng khóa kéo cùng màu vải, đường điều của quần đều, thẳng, không nhăn, vắn, không nổi chỉ và đúng yêu cầu kỹ thuật. Dây kéo êm, thẳng, cửa quần che kín dây kéo. - Móc: Đóng bằng máy.	Thành phần vải : 70% Polyester, 27% visco , 3% Spandex (+/-3) - Kiểu dệt : Vải chéo 2/2 - Khối lượng vải : 256.9 (g/m²) (+/-3) - Mật độ(sợi/10cm) : Dọc : 400, Ngang : 289 (+/-5). - Chỉ số sợi tách từ vải : Dọc (Ne) : 36.5/2 , Ngang 17.1 - Độ bền kéo đứt : Dọc (N) :1433.7, Ngang (N) : 824.4. - Độ vốn cục sau 7200 vòng giặt (cấp) ≥ 4. - Độ bền màu giặt 40°C (cấp) ≥ 4. - Độ bền màu mồ hôi , axit (cấp) ≥ 4. - Độ bền màu mồ hôi , kiềm (cấp) ≥ 4. - Độ bền màu ma sát (cấp) ≥ 4. - Không có hàm lượng fomaldehyt.		
5	Sơ mi dài tay nữ		cái	144

STT	Sản phẩm/Quy cách	Tiêu chuẩn kỹ thuật vải	ĐVT	Số lượng
	Màu sắc: Xanh da trời * Kiểu dáng : + Cổ đực , nẹp liền , lai áo hơi lượn, măng séc tròn đỉnh 1 cúc. + Thân trước : Nẹp liền , có 7 cúc nẹp và 1 cúc chân cổ. + Thêu logo ở ngực trái theo mẫu. * Quy cách may : - Mật độ chỉ điều 5 mũi/1 cm, chỉ điều tiếp màu vải chính. - Không nổi các đường chỉ điều, lại mũi kỹ các đường may. - Thừa khuy thường, dài khuy tương ứng với nút. - Đính nút chéo, ứng tâm khuy, chỉ đính nút xem bảng màu. - Nẹp khuy: to bản 2.5 cm. - Nẹp nút rời: to bản 2.5cm, điều 2 canh 0.1cm, không keo. + Nút: nẹp thân trước trái (x7), chân cổ (x1), MS (x2), dự trữ (x1). - Vòng nách, vai con: vắt sổ chập 5 chỉ. - Rã cúp thân trước, thân sau, ngực may theo dấu mẫu rập. - Chiết ly thân trước , thân sau, ngực, may theo dấu mẫu rập. - Dùng máy may 1 kim may vai con, lai áo. - Đường sườn áo + sườn tay: vắt sổ 5 chỉ. ** Lưu ý: Đường may sườn áo, sườn tay 2 cm. - Đường sườn áo, sườn tay, vai con ủi lật về thân sau, vòng nách ủi lật về thân. - Lai áo gấp 2 lần điều to bản 0.4 cm. ** Mẫu thêu logo: Vị trí thêu theo định vị rập.	Thành phần vải : 48% polyester, 50%baboo, 2% spandex (+/-3) - Kiểu dệt : Vải chéo 2/2 - Khối lượng : 163.2 (g/m²) (+/-3) - Mật độ (sợi/10cm) : Dọc :704; Ngang : 408 (+/-5) - Chỉ số sợi tách từ vải : Dọc(Ne) : 47,7/1, Ngang (Ne) : 46,4/1. - Độ bền kéo đứt : Dọc(N) >838, Ngang (N) >563. - Độ bền xé rách : Dọc (N) >27, Ngang (N) > 18. - Độ vón rút của vải sau 7200 vòng (cấp) ≥ 4. - Thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô % : Dọc : - 0,3 , Ngang : 0,2. - Ngoại quan của vải sau giặt 40°C và làm khô (cấp) : SA : 4.0. - Độ bền màu giặt 40°C (cấp) ≥ 3-4. - Độ bền màu mồ hôi , axit (cấp) ≥ 3-4. - Độ bền màu mồ hôi , kiềm (cấp) ≥ 3-4. - Độ bền màu ma sát (cấp) ≥ 3-4. - Không có hàm lượng fomaldehyt		

STT	Sản phẩm/Quy cách	Tiêu chuẩn kỹ thuật vải	ĐVT	Số lượng
6	Sơ mi ngắn tay nữ		cái	225
	Màu sắc: Xanh da trời * Kiểu dáng : + Cổ đực , nẹp liền , lai áo hơi lượn, măng séc tròn đỉnh 1 cúc. + Thân trước : Nẹp liền , có 7 cúc nẹp và 1 cúc chân cổ. + Thêu logo ở ngực trái theo mẫu. * Quy cách may : - Mật độ chỉ điều 5 mũi/1 cm, chỉ điều tiếp màu vải chính. - Không nổi các đường chỉ điều, lai mũi kỹ các đường may. - Thừa khuy thường, dài khuy tương ứng với nút. - Đính nút chéo, ứng tâm khuy, chỉ đính nút xem bảng màu. - Nẹp khuy: to bản 2.5 cm. - Nẹp nút rời: to bản 2.5cm, điều 2 canh 0.1cm, không keo. + Nút: nẹp thân trước trái (x7), chân cổ (x1), dự trữ (x1). - Vòng nách, vai con: vắt sổ chập 5 chỉ. - Rã cúp thân trước, thân sau, ngực may theo dấu mẫu ráp. - Chiết ly thân trước , thân sau, ngực, may theo dấu mẫu ráp. - Dùng máy may 1 kim may vai con, lai áo. - Đường sườn áo + sườn tay: vắt sổ 5 chỉ. ** Lưu ý: Đường may sườn áo, sườn tay 2 cm. - Đường sườn áo, sườn tay, vai con ủi lật về thân sau, vòng nách ủi lật về thân. - Lai áo gấp 2 lần điều to bản 0.4 cm. ** Mẫu thêu logo: Vị trí thêu theo định vị ráp.	Thành phần vải : 48% polyester, 50%bamboo, 2% spandex (+/-3) - Kiểu dệt : Vân chéo 2/2 - Khối lượng : 163.2 (g/m²) (+/-3) - Mật độ (sợi/10cm) : Dọc :704; Ngang : 408 (+/-5) - Chỉ số sợi tách từ vải : Dọc(Ne) : 47,7/1, Ngang (Ne) : 46,4/1. - Độ bền kéo đứt : Dọc(N) >838, Ngang (N) >563. - Độ bền xé rách : Dọc (N) >27, Ngang (N) > 18. - Độ vón rút của vải sau 7200 vòng (cấp) ≥ 4. - Thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô % : Dọc : - 0,3 , Ngang : 0,2. - Ngoại quan của vải sau giặt 40°C và làm khô (cấp) : SA : 4.0. - Độ bền màu giặt 40°C (cấp) ≥ 3-4. - Độ bền màu mồ hôi , axit (cấp) ≥ 3-4. - Độ bền màu mồ hôi , kiềm (cấp) ≥ 3-4. - Độ bền màu ma sát (cấp) ≥ 3-4. - Không có hàm lượng fomaldehyt		

STT	Sản phẩm/Quy cách	Tiêu chuẩn kỹ thuật vải	ĐVT	Số lượng
7	Chân váy nữ		cái	196
	Màu sắc : Xanh đen * Kiểu dáng : + Chân váy dáng vừa ôm , có lót. Thân trước có hai túi chéo , chiết ly thân trước. Thân sau có khóa kéo và có 2 chiết ly, xẻ sau. * Quy cách may : + Khóa lót lót được đính cố định với lớp chính bởi 2 bên sườn 1 đoạn 2cm. + Vắt sổ bao túi sạch. + Lót vắt sổ 3 chỉ , may 1 kim ủi rẽ. + Mật độ mũi chỉ : 5 mũi/1cm ; không nổi chỉ , bỏ mũi các đường diễu, đường may lại mũi kỹ, trùng và không rối.	Thành phần vải : 80% Polyester, 12% rayon ,8% Spandex (+/-3) - Kiểu dệt : Vân chéo 2/2 - Khối lượng vải : 251 (g/m ²) (+/-3) - Chỉ số sợi tách từ vải : Dọc (Ne) : 36.2/2 , Ngang có chun (Den) 179 (+/-5). - Mật độ (sợi/10cm) : Dọc : 458, Ngang : 340 (+/-5). - Chỉ số sợi tách từ vải : Dọc (Ne) : 36.5/2 , Ngang 17.1 - Độ bền kéo đứt : Dọc (N) :1433.7, Ngang (N) : 824.4. - Độ vốn cục sau 7200 vòng giặt (cấp) ≥ 4. - Độ bền màu giặt 40°C (cấp) ≥ 4. - Độ bền màu mồ hôi , axit (cấp) ≥ 4. - Độ bền màu mồ hôi , kiềm (cấp) ≥ 4. - Độ bền màu ma sát (cấp) ≥ 4. - Không có hàm lượng fomaldehyt.		

2. Địa điểm giao nhận hàng hóa:

Tại Trụ sở Văn phòng Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh – Số 449 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

3. Thời gian bảo hành hàng hóa: ít nhất 06 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu bàn giao sản phẩm.

4. Thời gian giao hàng hóa: Dự kiến vào ngày 15/10/2025.

5. Giá tạm ứng và thanh toán: Không quá 20% giá trị hợp đồng.

II. Nội dung, hình thức báo giá

- Báo giá được bố cục theo bảng sau:

STT	Sản phẩm	ĐVT	SL	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	- Tên sản phẩm - Chất liệu - Kiểu dáng - Xuất xứ					
	Tổng trước VAT					
	Thuế VAT					
	Tổng giá trị sau VAT					
	<i>Báo giá có hiệu lực trong.....ngày</i>					

- Giá trên đã bao gồm công đo, chi phí vận chuyển, giao hàng và thuế GTGT.
- Hình thức gửi báo giá: Bản cứng và bản mềm quét PDF (đã đóng dấu và gửi qua email), có thể gửi kèm tài liệu và catalogue (nếu có).

III. Thông tin của đơn vị yêu cầu chào giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.

Địa chỉ: số 449 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

2. Thông tin liên hệ tiếp nhận báo giá:

- Nơi nhận báo giá: Phòng Quản trị – Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh, số 449, Nguyễn Văn Cừ, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Và bản mềm gửi qua địa chỉ Email: ctcnqn@gmail.com

3. Thời gian nhận báo giá: kể từ ngày nhận báo giá đến hết ngày 06/8/2025.

Rất mong nhận được sự hợp tác của các Quý doanh nghiệp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu: QT.

PHÒNG QUẢN TRỊ



Vũ Thị Trang Nhã